

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình
2. Bà Lê Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ, Thư ký Tòa án nhân dân
quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Võ Ngọc Liên Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 đường N, Phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngọc Ngọc M, năm sinh 1991 là người đại diện theo ủy quyền (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B, năm sinh 1976; Địa chỉ: Số 103/13 đường H, Phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Ngày 18/6/2011, ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B (viết tắt ông B) ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

(bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.400.000 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.974.000 đồng rồi ngưng. Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 29/9/2020 là 34.907.013 đồng, trong đó: nợ gốc 9.246.244 đồng, nợ lãi quá hạn 25.690.769 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/6/2011 thì ông B được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 15.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/9/2020, ông B còn thiếu số tiền là 34.907.013 đồng, trong đó: nợ gốc 9.246.244 đồng, nợ lãi quá hạn 25.690.769 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông B trả số tiền nợ thẻ nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông B hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng khởi kiện ông B tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét bị đơn ông B đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 18/6/2011 giữa Ngân hàng và ông B. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên giao kết với nhau là đúng quy định của pháp luật về trình tự, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 122, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.2] Xét Ngân hàng yêu cầu ông B trả tiền nợ gốc còn thiếu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/6/2011 thì giữa ông B và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó ông B được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, tính đến ngày 29/9/2020, ông B còn thiếu số tiền nợ gốc 9.216.244 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định ông B còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 9.246.244 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời điểm ông B ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì mức lãi suất là 2,15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng và thông báo chuyển nợ quá hạn nên ông B phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ khi vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê

tính đến ngày 29/9/2020 thì tiền lãi mà ông B phải chịu trên số tiền nợ gốc còn thiếu 25.690.769 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Xét nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL ngày 07/10/2016 được lựa chọn từ quyết định giam đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 07/10/2016 để xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho phù hợp.

[3.5] Xét ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông B trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí sơ thẩm trên yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 122, Điều 289, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Luật phí, lệ phí năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 07/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1 Buộc ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn thiếu 9.216.244 (Chín triệu hai trăm mười sáu nghìn hai trăm bốn mươi bốn) đồng và tiền lãi 25.690.769 (Hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi 34.907.013 (Ba mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn không trăm mười ba) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.745.350 (Một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi) đồng.

2.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 781.050 (Bảy trăm tám mươi một nghìn không trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016174 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Ngọc Vĩnh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

3.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu